

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **05/2023/KDTM-ST**
Ngày: 28 - 4 - 2023
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và bà Nguyễn Thị Bận

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Sim - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà H'Mi Chan Niê - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST- KDTM ngày 16 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXX-DSST ngày 25 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V

Địa chỉ: 89 Láng Hạ, phường L, Quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vy Việt H- Nhân viên

Địa chỉ: Số 96 đường C, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.(Có mặt)

Bị đơn: Công ty Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Kim T – Giám đốc

Địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ hiện nay: 280 P, phường T, thành phố B.(Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Kim T- Giám đốc công ty.

Nơi cư trú: Số 69/5 đường Đ, phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo

ủy quyền của nguyên đơn là ông Vy Việt H trình bày:

Công Ty Đ đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V– chi nhánh Đ theo hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DAK/21110/HDHM ngày 08 tháng 06 năm 2021 và khế ước nhận nợ lần 1 số: SME/DAK/21110/HDTD-01 ngày 08/06/2021, với số tiền nhận nợ 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); thời hạn 12 tháng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 16.8%/ năm; quá hạn ngày 08/06/2022. Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Kim T theo hợp đồng bảo lãnh số: DAK/21110 ngày 08/06/2021 và khế ước nhận nợ lần 01 số: DAK/21110-01.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công Ty Đ đã mới trả được số tiền gốc 250.357.416 đồng và tiền lãi là 32.767.984 đồng sau đó không trả số tiền gốc và lãi suất còn lại. VPBank đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công Ty Đ để yêu cầu hoàn trả nợ vay còn lại nhưng Công Ty Đ cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng.

Vì vậy ngân hàng khởi kiện Buộc Công Ty Đ phải trả ngay một lần cho VPBank tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 28/4/2023 là 63.243.487đồng, trong nợ gốc: 49.642.594 đồng; Nợ lãi + phạt chậm trả: 13.600.893đồng và vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho VPBank.

Trường hợp Công Ty Đ không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, ông Nguyễn Kim T phải thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

2. Đối với bị đơn Công Ty Đ và ông Nguyễn Kim T đã triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng. Qua xác minh tại phòng đăng kí kinh doanh cho biết công ty vẫn đang hoạt động.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay Hội đồng xét xử, thẩm phán, thư ký, đại diện của nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. còn bị đơn chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 28/4/2023 là 63.243.487đồng, trong nợ gốc: 49.642.594 đồng và Nợ lãi 13.600.893đồng và vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết; Trường hợp Công Ty Đ không thanh toán theo yêu cầu nêu trên, ông Nguyễn Kim T phải thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các

thủ tục tố tụng cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng đều không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện buộc bị đơn là Công Ty Đ trả tiền nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết nên xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự đã có đủ căn cứ chứng minh được rằng:

- Về hợp đồng tín dụng: Ngày 08/06/2021 Công Ty Đ có ký hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DAK/21110 /HDHM ngày 08 tháng 06 năm 2021 và khế ước nhận nợ lần 1 số: SME/DAK/21110 /HDTD-01 với Ngân hàng TMCP V- chi nhánh Đ với số tiền nhận nợ là 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng); thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất tại thời điểm giải ngân là 16.8%/ năm. Quá trình thực hiện hợp đồng Công Ty Đ mới trả được cho Ngân hàng TMCP V số tiền gốc là 250.357.416 đồng và tiền lãi là 32.767.984 đồng. Hiện nay Công Ty Đ còn nợ ngân hàng số tiền gốc là 49.642.594 đồng và lãi suất tạm tính đến ngày 28/4/2023 là 13.600.893 đồng mà chưa trả là vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Điều 2 và Điều 3 của hợp đồng tín dụng. Vì vậy ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công Ty Đ phải trả số tiền trên và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 29/4/2023 cho đến khi trả xong toàn bộ số nợ là có cơ sở nên cần chấp nhận.

- Về hợp đồng bảo lãnh: Ngày 08/6/2021 ông Nguyễn Kim T là giám đốc của công ty Công Ty Đ có ký hợp đồng bảo lãnh số: DAK/21110 ngày 08/06/2021, để bảo lãnh toàn bộ khoản vay theo hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên với ngân hàng. Trường hợp Công Ty Đ không thanh toán toàn bộ số tiền nợ thì ông Nguyễn Kim T phải thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

[4]. Về án phí: Công Ty Đ phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 266, Điều 267, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng Điều 335, Điều 336, Điều 342 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

-Áp dụng: Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

1. Buộc Công Ty Đ phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V tổng số tiền nợ là 63.243.487 đồng (*Sáu mươi ba triệu, hai trăm bốn mươi ba ngàn, bốn trăm tám mươi bảy đồng*). Trong nợ gốc: 49.642.594 đồng; Nợ lãi + phạt chậm trả: 13.600.893 đồng. Kể từ ngày 29/4/2023 Công Ty Đ phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DAK/21110 /HDHM ngày 08 tháng 06 năm 2021 và khế ước nhận nợ số: SME/ DAK/21110 /HDTD-01 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Trường hợp Công Ty Đ không thanh toán số tiền nợ trên thì ông Nguyễn Kim T phải thanh toán toàn bộ các khoản vay nêu trên theo hợp đồng bảo lãnh số: DAK/21110 ngày 08/06/2021.

2.Về án phí kinh doanh thương mại: Công Ty Đ phải chịu 3.162.000 đồng(làm tròn) tiền án phí kinh doanh thương.

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí là 3000.000 đồng do LCC đã nộp theo biên lai số 0022883 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp.BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Lê Thị Mai